

Bản án số: 67/2021/HS-ST

Ngày: 14- 7- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Văn T

2. Ông: Nguyễn Quốc H

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

- Đại diện VKSND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh H - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 28/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 07/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-HPT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn B; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1970 tại huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; Nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn X (Đã chết); con bà Lò Thị T (Đã chết); vợ: Lò Thị L - SN 1968; gia đình bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: có 02 tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 28/7/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Lai Ch (Nay là tỉnh Điện B) xử phạt 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, Bản án này chưa được xóa án tích do chưa thi hành xong phần dân sự; Ngày 21/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 18/11/2018 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, Bản án này đã bị áp dụng tình tiết “tái phạm” hiện chưa được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2021 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lò Văn Th; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1999 tại huyện Tuần G, tỉnh Điện B; Nơi cư trú: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; Nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn B - SN 1970; con bà Lò Thị L, SN 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử

lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2021 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lò Văn S; **tên gọi khác:** Không; **sinh năm** 1982 tại huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên; **Nơi cư trú:** Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; **Nghề nghiệp:** nông nghiệp; **trình độ học vấn:** 07/12; **dân tộc:** Thái; **giới tính:** Nam; **tôn giáo:** Không; **quốc tịch:** Việt Nam; **con ông** Lò Văn X (Đã chết); **con bà** Lò Thị T (Đã chết); **vợ, con:** bị cáo chung sống như vợ chồng với Lò Thị H, sinh năm 1982 và có 01 con chung sinh năm 2007; **tiền án:** có 02 tiền án, **tiền sự:** không; **Nhân thân:** Ngày 14/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 30 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, *tổng hợp hình phạt là 39 tháng tù*, đến ngày 01/07/2016 ra trại trở về địa phương sinh sống; Ngày 06/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 15 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản, đến ngày 21/3/2019 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, Bản án này hiện chưa được xóa án tích; bị tạm giam từ ngày 15/3/2021 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị hại: Anh Lò Văn T - sinh năm 1988

Trú tại: Bản Sảo, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Lò Văn X - SN 1955

Trú tại: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên, có mặt.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lò Văn Th - SN 1993

Trú tại: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt không có lý do, vợ của Lò Văn Th là chị Lò Thị Th - SN 1986.

Trú tại: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt

- Chị Lò Thị L - SN 1968 (Vợ của bị cáo Lò Văn B)

Trú tại: Bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt

6. Người phiên dịch cho chị Lò Thị Lợi: Chị Tòng Thị Th - SN 1990

Trú tại: Bản B, xã Chiềng Đ, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 01/03/2021, Lò Văn B đã tự ý lấy xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen, không có biển kiểm soát của con trai là Lò Văn Th (do Th đi làm ăn xa để xe máy ở nhà), để đi lấy cây chuối trên đồi thuộc khu vực bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, tỉnh Điện B về cho bò ăn.

Khoảng 17 giờ cùng ngày trên đường về đến khu vực nhà của Lò Văn T; sinh năm 1988; trú tại bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, B phát hiện trong chuồng bò nhà anh T có một con bò cái, lông màu vàng khoảng 03 tuổi, trị giá 18.700.000 đồng. B đã nảy sinh ý định trộm cắp con bò trên. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Lò Văn B đã rủ con trai là Lò Văn Th đi lấy trộm con bò trên để mổ lấy thịt mang đi bán, Th đồng ý đi. Sau đó B vào trong bếp lấy 01 bao tải xác rắn màu nâu đỏ, 02 con dao nhọn trong đó

có: 01 con dao nhọn dài khoảng 50 cm thì B cầm, còn con dao nhọn dài khoảng 20 cm thì B đưa cho Th cầm đi.

Khi đi, B điều khiển xe máy còn Th ngồi sau, khi đi cách đôi Lọng Ng, thuộc bản S, xã Quài C, huyện Tuần G, khoảng 50 mét thì Biên dừng xe lại rồi đi bộ theo đường bờ nương về hướng bản Sảo, khi cách nhà anh T khoảng 20 -30 mét thì B bảo Th đứng đợi còn B đi về phía chuồng bò, mở cửa chuồng bò và dắt con bò đi đến chỗ Th đang đứng đợi. B dắt bò còn Th thì đuổi bò theo sau, khi dắt bò đến bãi đất trống thuộc khu vực đôi Lọng Ng, thuộc bản S, xã Quài C, thì B bảo Th cầm dây buộc con bò, còn B đi nhổ một cọc gỗ dài khoảng 1,6 mét, có một đầu nhọn và dùng cọc gỗ đó đập liên tiếp vào đầu con bò khoảng 2- 3 nhát thì con bò ngã xuống đất. B đã dùng dao chặt đầu con bò, trực tiếp cắt xẻ lấy thịt và xương bò, còn Th thì phụ B mổ xẻ thịt bò. Thịt xong, B bảo Th đi lấy xe máy và bao xác rắn đã chuẩn bị từ trước để đựng thịt. Sau đó Th cầm bao còn B lấy thịt và xương bỏ vào bao. B và Th đã bỏ lại đầu bò, bốn chân, đuôi bò và một ít nội tạng của con bò, sau đó B và Th cùng nhau chằng bao đựng thịt lên xe máy. Th điều khiển xe máy còn B ngồi sau.

Đến khoảng 04 giờ ngày 02/03/2021 khi B, Th về đến nhà thì gặp Lò Văn S là em ruột của B, S nhìn thấy B lấy thịt từ trong bao xác rắn ra để ở dưới sân nhà, S liền hỏi B: “*Lấy ở đâu về đấy*”, B trả lời “*Vừa lấy trộm thịt bò ở bản Sảo về*”, B bảo S mang chặt nhỏ ra để mang đi bán”. Nghe Biên nói vậy Sáng đồng ý và lấy dao mà B đã để sẵn ở bao thịt chia nhỏ thịt bò ra thành nhiều phần, còn B và Th đi rửa chân tay, sau đó Th vào nhà đi ngủ. Sau khi chia nhỏ thịt bò xong, S đi ngủ. B quay lại cho hết thịt bò vào trong bao tải xác rắn rồi chằng lên xe máy và một mình điều khiển chở số thịt bò trộm cắp được đem đi bán ở chợ Trung tâm thị trấn Tuần G bán được số tiền là 900.000 đồng, còn lại một ít nội tạng B đem về cất vào tủ lạnh, số tiền trên B đã tiêu hết 300.000 đồng, chia cho S 500.000 đồng, S đã sử dụng chi tiêu hết số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 76/KL - ĐGTS ngày 03/3/2021 xác định: Con bò cái 03 tuổi lông màu vàng có trọng lượng khoảng 170 kg có giá trị 18.700.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn thật thà khai báo.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị hại, ông Lò Văn X có ý kiến: Về phân trách nhiệm dân sự: Ông yêu cầu các bị cáo phải trả ông một con bò tương đương hoặc bồi thường toàn bộ số tiền là 18.700.000 đồng. Tại phiên tòa: Chị Lò Thị L và bị cáo Lò Văn B tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 18.700.000 đồng cho bị hại anh Lò Văn T thay cho bị cáo Th và S, không yêu cầu bị cáo Th và S phải trả lại tiền mà gia đình chị đã bồi thường thay. Thời gian trả số tiền trên chậm nhất là ngày 28/7/2021. Sau khi nghe ý kiến của bị cáo B và chị L, ông X đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị Th (Vợ Lò Văn Th) có ý kiến: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius cũ, màu đen, không có biển kiểm soát mà bị cáo Biên đã dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản là tài sản của anh

Th và chị Th, anh chị mua từ năm 2016, khi bị cáo B lấy xe máy, anh Th đang đi làm thuê, anh Th và chị không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, chị đề nghị trả lại chiếc xe máy cho vợ chồng chị.

Tại bản Cáo trạng số: 46/CT-VKS - TG ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G đã truy tố các bị cáo: Lò Văn B về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, Lò Văn Th, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, và Lò Văn S về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G giữ quyền công tố luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điểm s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn Th từ 15 đến 18 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; Điểm s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn Th theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn S theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 01 đầu, 01 đuôi, 04 chân con bò và 09 kg nội tạng bò đã được trả lại cho bị hại anh Lò Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 07 ngày 03/3/2021 của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Tuần G và biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 03/3/2021.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Lò Văn Th chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại sirius cũ, màu đen, không biển kiểm soát (số khung: RLCUE3220GY0085544; số máy: E3X9E025046) đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 100.000 (một trăm nghìn đồng) đã thu giữ của Lò Văn B, số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn B (*Chưa thu*); số tiền 500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn S (*Chưa thu*). Số vật chứng còn lại đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện, bị cáo B và chị Lò Thị L tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 18.700.000 đồng

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt

luật Hình sự là “*Tái phạm nguy hiểm*” mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng.

Đối với bị cáo Lò Văn Th: Với vai trò giúp sức cho bị cáo B cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng.

Đối với bị cáo Lò Văn S: Bị cáo S không biết và không tham gia vào quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của B và Th, không hứa hẹn trước với B và Th, nhưng sau khi biết B và Th trộm cắp bò và xẻ thịt mang về nhà đã giúp B chia nhỏ số thịt trộm cắp để B mang đi bán, sau khi bán về đã được B chia cho số tiền 500.000 đồng. Do vậy hành vi của Lò Văn S đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo Lò Văn S phạm tội trong trường hợp có hai tiền án chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn S thuộc điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là: “*Tái phạm nguy hiểm*” với mức hình phạt từ 3 năm đến 07 năm tù. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Lò Văn B sinh ra và lớn lên tại huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên. Ngày 28/7/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Lai Ch (*Nay là tỉnh Điện B*) xử phạt 18 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, Bản án này chưa được xóa án tích do chưa thi hành xong phần dân sự; Ngày 21/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đến ngày 18/11/2018 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, Bản án này đã bị áp dụng tình tiết “tái phạm” hiện chưa được xóa án tích. Bị cáo đã nhiều lần phạm tội, đã nhiều lần được giáo dục trong môi trường cưỡng chế của nhà nước lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, đã thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào song bị cáo là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy từ năm 2011. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn Th là con trai của bị cáo Lò Văn B: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện Tuần G, tỉnh Điện B, học hết lớp 9/12 thì ở nhà lao động cùng gia đình. Bị cáo sử dụng ma túy từ năm 2019. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn S sinh ra và lớn lên tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên học hết lớp 07/12 thì ở nhà lao động cùng gia đình. Ngày 14/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 30 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt là 39 tháng tù. Đến ngày 01/07/2016 ra trại trở về địa phương sinh sống; Ngày 06/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xử phạt 15 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 21/3/2019 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, Bản án này đã áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm, hiện chưa được xóa án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào song bị cáo là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy từ năm 2020. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

HĐXX sẽ xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò và nhân thân các của các bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt phù hợp. Bị cáo B và bị cáo S đã nhiều lần bị xét xử, đã được giáo dục trong môi trường cưỡng chế của nhà nước song vẫn tiếp tục phạm tội, đã thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. HĐXX sẽ áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo được học tập, cải tạo trong môi trường cưỡng chế của nhà nước, phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xét thấy chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại sirius cũ, màu đen, không biển kiểm soát (số khung: RLCUE3220GY0085544; số máy: E3X9E025046) đã qua sử dụng bị cáo B và Th dùng làm phương tiện phạm tội, đăng ký xe mang tên anh Lò Văn Th là chủ sở hữu chiếc xe, là tài sản chung của anh Th và chị Th, anh Th và chị Th không biết bị cáo đã sử dụng xe vào việc phạm tội, xét thấy anh Th và chị Th không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho anh Lò Văn Th và chị Lò Thị Th chiếc xe trên.

Tịch thu số tiền 100.000 (một trăm nghìn đồng) đã thu giữ của Lò Văn B do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn B (Chưa thu).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn S (Chưa thu).

Các vật chứng đã thu giữ: 01 (một) chiếc áo rét màu trắng, hai cánh tay có sọc màu xanh đỏ đã cũ; 01 (một) dây thừng màu nâu đỏ, dài 4,05 m có đường kính 0,5 cm đã cũ; 01 (một) dây thừng màu trắng, dài 1,1m, đường kính 0,5 cm, 02 (hai) đầu dây có 02 (hai) nút đã cũ; 01 (một) con dao nhọn dài 50 cm, lưỡi dài 34 cm, phần rộng nhất lưỡi dao rộng 4,6 cm đã qua sử dụng; 01 (một) thanh gỗ dài 1,6 m đường kính phần nhỏ nhất là 5,5 cm, phần lớn nhất là 7,5 cm, hình trụ tròn một đầu, nhọn một đầu. Xét thấy: Chiếc áo rét màu trắng thu giữ của cáo Th, bị cáo Th không đề nghị được trả lại,

các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện, bị cáo B và chị Lò Thị L tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 18.700.000 đồng cho gia đình anh Lò Văn T, bị cáo B và chị L không yêu cầu bị cáo Th và S phải trả lại tiền mà gia đình chị đã bồi thường thay. Thời gian trả số tiền trên chậm nhất là ngày 28/7/2021. Về lãi chậm trả tiền, ông Lò Văn X, bị cáo B và chị L thống nhất trả lãi theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn Th còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự và theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn S

Xét thấy các bị cáo đều làm nông nghiệp thu nhập thấp, đều là đối tượng nghiện nên không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, đều đề nghị HĐXX miễn án phí HSST, án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, HĐXX chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn B;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn Th;

Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn S;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn Th đều phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Lò Văn S phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn B: 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 02/3/2021.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Th: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 02/3/2021.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn S: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 15/3/2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bị cáo Lò Văn B, chị Lò Thị L tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 18.700.000 đồng cho gia đình bị hại anh Lò Văn T. Bị cáo B và chị L không yêu cầu bị cáo Th và bị cáo S phải trả lại số tiền mình đã bồi thường. Thời gian trả số tiền trên chậm nhất là ngày 28/7/2021.

Kể từ ngày anh Lò Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lò Văn B, chị Lò Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Lò Văn Th chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại sirius cũ, màu đen, không biển kiểm soát (số khung: RLCUE3220GY0085544; số máy: E3X9E025046) đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 100.000 (một trăm nghìn đồng) đã thu giữ của Lò Văn B. Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn B (Chưa thu). Tịch thu số tiền 500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Lò Văn S (Chưa thu)

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc áo rét màu trắng, hai cánh tay có sọc màu xanh đỏ đã cũ; 01 (một) dây thừng màu nâu đỏ, dài 4,05 m có đường kính 0,5 cm đã cũ; 01 (một) dây thừng màu trắng, dài 1,1 m, đường kính 0,5 cm, 02 (hai) đầu dây có 02 (hai) nút đã cũ; 01 (một) con dao nhọn dài 50 cm, lưỡi dài 34 cm, phần rộng nhất lưỡi dao rộng 4,6 cm đã qua sử dụng; 01 (một) thanh gỗ dài 1,6 m đường kính phần nhỏ nhất là 5,5 cm, phần lớn nhất là 7,5 cm, hình trụ tròn một đầu, nhọn một đầu

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Tuần G bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần G hồi 09 giờ, ngày 09 tháng 6 năm 2021)

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 14/7/2021. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo

Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 14/7/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 14/7/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- VKSND tỉnh Điện B;
- Công an huyện Tuần G;
- CQ Điều tra CA huyện Tuần G;
- Đội HSNVCA huyện Tuần G;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện B;
- THA DS Tuần Giáo, THA HS;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM

HỘI THẨM

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn

Nguyễn Quốc Huân

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM

HỘI THẨM

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn

Nguyễn Quốc Huân

Lê Đình Hà

